

Số: 20/QĐ-YT

Tân Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai các khoản thu, mức thu
năm học 2024 – 2025 của Trường Tiểu học Yên Thế**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN THẾ

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022

Căn cứ Công văn số 1479/GDĐT-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Liên phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024 - 2025 của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận Tân Bình;

Căn cứ Thông báo số 154/TB-VP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận về nội dung kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tại cuộc họp ngày 16 tháng 9 năm 2024;

Căn cứ công văn số 1512/GDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện theo Thông báo số 154/TB-VP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Căn cứ Thông báo số 1513/GDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết luận của Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo

quận Tân Bình tại cuộc họp Hiệu trưởng ngày 16 tháng 9 năm 2024 về hướng dẫn và triển khai Công văn Liên phòng số 1479/GDDĐT-KHTC ngày 16/9/2024;

Căn cứ Công văn số 1514/GDDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai lấy ý kiến cha mẹ học sinh về các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; nội dung các khoản thu, cơ chế quản lý tổ chức các hoạt động giáo dục khác của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận Tân Bình năm học 2024 - 2025;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến phụ huynh học sinh các lớp ngày 29 tháng 9 năm 2024;

Xét đề nghị của Hội đồng Trường Tiểu học Yên Thế về việc công khai các khoản thu, mức thu, kế hoạch thu chi năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các khoản thu, mức thu, kế hoạch thu chi năm học 2024-2025 của Trường Tiểu học Yên Thế (Đính kèm thông báo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của Trường Tiểu học Yên Thế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Nghĩa Dũng

KẾ HOẠCH THU CHI NĂM HỌC 2024-2025

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số tiết (số người)	Số tuần thực dạy (số tháng)	Số tiền/tiết	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
A	Dự toán chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục							
I	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú							
II	Phần thu :1160 hs x 290.000đ/ hs/ tháng	tháng	1.160	9	290.000	3.027.600.000		
1.1	Chi thanh toán cá nhân (trực tiếp):					3.027.600.000	100%	-
1.2	Chi cho bộ phận gián tiếp:					2.719.748.000	89,8%	
1.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động					87.300.000	2,9%	
1.4	Khấu hao tài sản cố định					150.000.000	5,0%	
	Khấu hao NH 2024-2025					10.000.000	0,3%	
1.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp					10.000.000	0,3%	
	2% thuế					60.552.000	2,0%	
6	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu (bao gồm khám nha học đường)					60.552.000	2,0%	
I	Phần thu :1160 hs x 28.000 đ/ hs/ tháng	năm	1.160	1	28.000	32.480.000		-
II	Phần chi :					32.480.000	100,0%	
1	Chi tiền khám sức khỏe học sinh đầu năm , Công tác tổ chức , nhập liệu kết quả khám sức khỏe					31.830.400	98,0%	
2	Chi tiền thuế TNDN (2%)					649.600	2,0%	
7	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)							

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số tiết (số người)	Số tuần thực dạy (số tháng)	Số tiền/tiết	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
7.1	Đối với lớp được trang bị sẵn máy lạnh							
						313.200.000		-
I	Phần thu : 1160 hs x 30.000 đ/ hs/ tháng	tháng	1.160	9	30.000	313.200.000	100,0%	
II	Phần chi :			9	25.000.000	225.000.000	71,8%	
I	Chi tiền điện							
2	Chi tiền bảo trì, vệ sinh máy lạnh, bom gas, sửa chữa máy lạnh, thay mới đường dây điện, công tắc điện và các vấn đề liên quan đến việc sửa chữa của hệ thống máy lạnh học sinh toàn trường							
						6.264.000	2,0%	
3	Chi tiền thuế TNĐN (2%)							
8	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	1.160	9	15.000	156.600.000		
I	Phần thu : 1160 hs x 15.000 đ/ hs/ tháng					156.600.000	100,0%	
II	Phần chi :							
						153.468.000	98,0%	
I	Chi trả cho công ty cung cấp dịch vụ chuyển đổi số					3.132.000	2,0%	
2	Chi tiền thuế TNĐN (2%)							
B	Dự toán chi các khoản thu quản lý tổ chức các hoạt động giáo dục khác							
I	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác							
4	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chương trình nhà trường							
4.2	Tiền tổ chức Giáo dục Kỹ năng sống	tháng	688	8	80.000	412.800.000		
I	Phần thu : 688 hs x 80.000 đ/ hs/ tháng					412.800.000	100,0%	-
II	Phần chi :							
						397.920.000	96,4%	
I	Chi trả trung tâm					2.000.000	0,5%	
2	Khấu hao tài sản cố định							

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số tiết (số người)	Số tuần thực dạy (số tháng)	Số tiền/tiết	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
	Khấu hao NH 2024-2025							
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp					2.000.000	0,5%	
	2% thuế							
4	Chi hỗ trợ hoạt động					8.256.000	2,0%	
4.3	Tiền tổ chức Giáo dục STEM							
I	Phần thu :927 hs x 90.000 đ/ hs/ tháng							
II	Phần chi :	tháng	927	8	90.000	625.725.000		
1	Chi trả trung tâm					625.725.000	100,0%	-
2	Chi cho bộ phận gián tiếp:					564.975.000	90,3%	
3	Khấu hao tài sản cố định					39.750.000	6,4%	
	Khấu hao NH 2024-2025							
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp					3.000.000	0,5%	
	2% thuế					3.000.000	0,5%	
5	Chi hỗ trợ hoạt động					12.514.500	2,0%	
4.4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài					12.514.500	2,0%	
I	Phần thu :712 hs x 220.000 đ/ hs/ tháng					5.485.500	0,9%	
II	Phần chi :	tháng	712	8	220.000	1.174.800.000		-
1	Chi trả trung tâm					1.174.800.000	100,0%	
2	Chi cho bộ phận gián tiếp:					1.057.320.000	90,0%	
3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động					78.000.000	6,6%	
4	Khấu hao tài sản cố định					10.984.000	0,9%	
	Khấu hao NH 2024-2025					5.000.000	0,4%	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp					23.496.000	2,0%	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số tiết (số người)	Số tuần thực dạy (số tháng)	Số tiền/tiết	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
	2% thuế					23.496.000	2,0%	
	<i>Tiền tổ chức Chương trình giáo dục tăng cường ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học</i>							
4.6								-
I	Phần thu :447 hs x 550.000 đ/ hs/ tháng	tháng	447	8	550.000	1.843.875.000		
						1.843.875.000	101,2%	
II	Phần chi :					1.659.487.500	90,0%	
I	Chi trả trung tâm					131.100.000	8,3%	
2	Chi cho bộ phận gián tiếp:					7.410.000	0,4%	
3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động					9.000.000	0,5%	
4	Khấu hao tài sản cố định					9.000.000	0,5%	
	Khấu hao NH 2024-2025					36.877.500	2,0%	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp					36.877.500		
	2% thuế							
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án							
8	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"							
I	Phần thu :474 hs x 140.000 đ/ hs/ tháng	tháng	474	8	140.000	497.700.000		
						497.700.000	100%	
II	Phần chi :					258.900.000	52,0%	
I	Chi trả trung tâm, thanh toán cá nhân					192.096.600	38,6%	
2	Chi cho bộ phận gián tiếp:					34.749.400	7,0%	
3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động							
						2.000.000	0,4%	
4	Khấu hao tài sản cố định							

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số tiết (số người)	Số tuần thực dạy (số tháng)	Số tiền/tiết	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
	Khấu hao NH 2024-2025					2.000.000	0,4%	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp					9.954.000	2,0%	
	2% thuế					9.954.000	2,0%	
III	Các khoản thu cho cá nhân học sinh							
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú							
I	Phần thu :1123 hs x 220.000 đ/ hs/năm	năm	1.123	1	220.000	247.060.000		
II	Phần chi :					247.060.000	100,0%	
1	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động phục vụ học sinh bán trú							
	Mua sắm các thiết bị vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú trong 1 năm học đối với một học sinh Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: gồm nệm, chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, khay, thìa, muỗng, ly, cốc, bàn chải, kem đánh răng, tạp dề, nón, khẩu trang, đồng phục bảo hộ, vật dụng bảo hộ, tủ đựng chén, giá treo khăn, bàn inox, ghế inox nhà bếp, bếp gas, ghế nhựa, đèn bắt côn trùng, tủ gói sắt ...phục vụ học sinh bán trú. Mua sắm linh kiện thay thế cho các thiết bị, máy móc phục vụ bán trú (thang nâng bán trú, máy hấp khăn, nồi cơm điện, máy xay thịt.....)	năm				242.118.800	98,0%	
2	Chi tiền thuế TNDN (2%)							
13	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu					4.941.200	2,0%	
13.1	Học phẩm							
I	Phần thu :1160 hs x 35.000 đ/ hs/năm	năm	1.160	1	35.000	40.600.000		
II	Phần chi :					40.600.000	0,5%	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số tiết (số người)	Số tuần thực dạy (số tháng)	Số tiền/tiết	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
1	Chi tiền mua học phẩm để học sinh thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, photo để kiểm tra, giấy thi, giấy nháp, ấn chỉ hồ sơ học sinh (học bạ, giấy khen, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Tiểu học, sổ chủ nhiệm,), phù hiệu					39.788.000	0,5%	
2	Chi tiền thuế TNDN (2%)					812.000	0,0%	
14	Tiền suất ăn trưa bán trú							
I	Phần thu :1123 hs x 38.000 đ/ hs/ ngày	ngày	1.123	180	38.000	7.681.320.000		
II	Phần chi :							
I	Mua thực phẩm , nhu yếu phẩm (gạo , nếp, đường , dầu ăn , nước mắm , muối, bột ngọt, hạt nêm ...), nhiên liệu Gas					7.527.693.600	98,0%	
2	Chi tiền thuế TNDN (2%)					153.626.400	2,0%	
16	Tiền nước uống							
I	Phần thu :1160 hs x 16.000 đ/ hs/ tháng	tháng	1.160	9	16.000	167.040.000		
II	Phần chi :							
I	Chi phí nước uống cho học sinh					163.699.200	98,0%	
2	Chi tiền thuế TNDN (2%)					3.340.800	2,0%	

Kế toán

[Signature]

Võ Thùy Doan Trang

Ngày 07 tháng 10 năm 2024
Hiệu trưởng



Nguyễn Nghĩa Dũng

[Signature]